

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Học viện Hậu cần;
- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Mua sắm trang thiết bị y tế tại bệnh xá và quân y các đơn vị năm 2025;
- Dự toán: Mua sắm trang thiết bị y tế tại bệnh xá và quân y các đơn vị năm 2025;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Kinh phí kết dư quỹ khám, chữa bệnh BHYT quân nhân giai đoạn 2019-2023 năm 2025;
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Tùy chọn mua thêm: Không đề xuất
- Địa điểm thực hiện: Học viện Hậu cần

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Hàng hoá mới 100%, phải được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam;
- Các hàng hóa là Trang thiết bị y tế phải có Giấy phép lưu hành, giấy phép nhập khẩu (hoặc các tài liệu có giá trị tương đương) đối với các mặt hàng trong diện phải cấp phép quy định theo pháp luật hiện hành.
- Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam phải Công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước của Hãng sản xuất trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế; và Hãng sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485. (*Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế do Sở Y tế có thẩm quyền cấp*)
- Nhà thầu phải cung cấp Catalog hoặc các tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất có các thông số kỹ thuật của sản phẩm để chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

- Nếu tài liệu kỹ thuật hàng hóa dự thầu do nhà sản xuất phát hành là tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. Nhà thầu phải đảm bảo tính trung thực và chịu trách nhiệm về nội dung giữa bản dịch và bản chính. Trong trường hợp bên mời thầu nghi ngờ có sự khai khác giữa bản dịch và bản chính thì bên mời thầu sẽ đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị dự thầu dựa vào bản chính.

b) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

- Nội dung mô tả hàng hóa quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu.

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Tương đương quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- + Chứng nhận tiêu chuẩn: Tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.
- + Vật liệu, thành phần: Tương đương về tính chất; thuộc tính, công năng.
- + Hàm lượng, nồng độ, tính chất: Tương đương về công năng sử dụng.

+ Tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được:

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	<p>MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU BÁN TỰ ĐỘNG</p> <p>1. Yêu cầu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị phải được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Xuất xứ: Thuộc các nước G20; - Có giấy chứng nhận: ISO 13485 hoặc tương đương; - Có ủy quyền của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối của nhà sản xuất. - Giao diện người dùng trực quan, gián điều hành qua màn hình cảm ứng màu. - Tăng cường quản lý của người vận hành ngăn chặn việc sử dụng trái phép. - Tự động truyền kết quả đi bằng LIS và tự động in kết quả. <p>2. Thông số kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại: Quang kế phản xạ hoặc tương đương - Công suất: Lên tới ≥ 120 xét nghiệm/giờ - Lưu trữ dữ liệu: ≥ 2000/kết quả xét nghiệm - Hiển thị: Màn hình LCD hoặc tương đương - Giao diện: Tối thiểu cổng nối tiếp RS232C hoặc RS232c
2	<p>MÁY PHÂN TÍCH SINH HÓA TỰ ĐỘNG</p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>1. Yêu cầu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2025 trở về sau. - Chất lượng: thiết bị mới 100%. - Nguồn điện sử dụng: AC100-240V, 50-60 Hz; - Yêu cầu về xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu; - Có giấy chứng nhận: ISO 13485 hoặc tương đương; - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$; + Độ ẩm: $\geq 75\%$; <p>2. Yêu cầu cấu hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc; - Hoá chất chạy thử: 01 bộ; - Hoá chất rửa: 01 bộ; - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ; <p>3. Yêu cầu kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Chức năng hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 200 test/giờ; - Nguyên tắc đo: phép đo màu, đo độ đục hoặc tương đương; - Phương pháp đo: đo điểm cuối, đo thời gian cố định, đo hai điểm, động học, đơn, đôi, ba, bốn, hóa chất thuốc thử, một bước sóng, hai bước sóng, giá trị khác biệt; - Có đầu đọc mã vạch; ➤ Xử lý mẫu: <ul style="list-style-type: none"> - khay đựng mẫu: ≥ 40 vị trí - Thẻ tích mẫu: Khoảng $\leq 2 \sim \geq 45$ μl, chỉnh theo bước $\pm \leq 0.1$ μl - Đầu hút mẫu: phát hiện mức chất lỏng, bảo vệ va chạm, kiểm tra tồn, phát hiện máu đông. ➤ Quản lý hóa chất: <ul style="list-style-type: none"> - Khay hóa chất: ≥ 40 vị trí tự làm lạnh khoảng $2-10^{\circ}\text{C}$; - Mức hút R1: $\leq 150 \sim \geq 350$ μl, chỉnh theo bước $\pm \leq 1$ μl; - Mức hút R2: $\leq 20 \sim \geq 250$ μl, chỉnh theo bước $\pm \leq 1$ μl; - Có hỗ trợ R3 và R4; - Đầu hút mẫu: phát hiện mức chất lỏng, bảo vệ va chạm, kiểm tra tồn; - Làm sạch đầu hút mẫu: tự động làm sạch cả trong và ngoài, xác suất nhiễm chéo $< 0.1\%$; ➤ Hệ thống phản ứng: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phản ứng: ≥ 40 cuvettes với trạm rửa tự động; - Cuvette: chiều dài quang học khoảng 5mm; - Thẻ tích phản ứng: $\leq 150 \sim \geq 500$ μl; - Có đầu hút trộn; ➤ Hệ thống quang học:

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn sáng: bóng đèn Halogen-tungsten hoặc tương đương; - Máy đo quang: phép đo lưới, quang học đảo hoặc tương đương; - Bước sóng: ≤ 320 nm to ≥ 850 nm; - Dải hấp thụ: $0 \sim 2.500$ Abs; - Độ phân giải: $\pm \leq 0.0001$ Abs; ➤ Điều kiện làm việc: - Mức tiêu thụ nước: ≤ 7 lít/ giờ; <p>4. Yêu cầu khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng, lắp đặt, chạy thử và đào tạo hướng dẫn sử dụng cho người dùng tại nơi sử dụng. - Bảo hành: ≥ 12 tháng; - Nhà thầu phải có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ: CO, CQ, giấy phép nhập khẩu, hồ sơ nhập khẩu thiết bị của Hải quan (đối với thiết bị nhập khẩu), giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với thiết bị sản xuất trong nước), và các giấy tờ khác theo quy định hiện hành khi giao hàng; - Cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế trong vòng 10 năm kể từ ngày hết thời hạn bảo hành;
3	<p>GHẾ NHA KHOA</p> <p>* Yêu cầu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Thiết bị đạt chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện hoạt động: 220V/50Hz; - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ: ≥ 30 °C; + Độ ẩm: $\geq 70\%$; - Xuất xứ máy chính: thuộc nhóm nước G7. <p>* Yêu cầu về cấu hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghế chính: 01 chiếc; - Khay đặt dụng cụ chính: 01 chiếc; - Khay đặt dụng cụ phụ: 01 chiếc; - Bảng điều khiển trên khay chính: 01 chiếc; - Khay để phim X-Quang: 01 chiếc - Bảng điều khiển trên khay phụ: 01 chiếc; - Công tắc chân đa chức năng: 01 chiếc; - Chậu nhỏ: 01 chiếc; - Bình chứa nước: 01 chiếc; - Đèn khám: 01 chiếc; - Ghế bác sỹ: 01 chiếc; - Máy nén khí: 01 chiếc; - Bộ tay khoan gồm:

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> + Tay khoan nhanh: 02 chiếc; + Tay khoan chậm: 01 chiếc; - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 01 bộ; * Yêu cầu về kỹ thuật/Tính năng kỹ thuật. - Ghế chính. <ul style="list-style-type: none"> + Tựa đầu: \geq 02 khớp + Có \geq 02 đỡ tay + Vị trí làm việc: nâng lên/ xuống, tựa lưng lên/ xuống; + Có chức năng nhớ \geq 3 vị trí; + Ghế có thể điều khiển bằng: bảng điều khiển khay chính và bảng điều khiển khay phụ và bảng công tắc chân đa chức năng. + Đệm bằng da hoặc tương đương + Có nút an toàn đưa ghế về vị trí an toàn trên bảng điều khiển chính và bảng điều khiển trợ lý - Khay chính. <ul style="list-style-type: none"> Bảng điều khiển thực hiện các chức năng và vị trí: + Chức năng bật/tắt nước vào cốc; + Chức năng ngả lưng; + Chức năng bật/tắt đèn điều trị; + Chức năng nâng ghế; + Chức năng hạ ghế; + Chức năng nâng lưng ghế; + Bàn phím điều khiển chức năng ghế. + Tay xịt 3 chức năng. + Dây dẫn và giá đỡ tay khoan nhanh và chậm. - Khay đựng dụng cụ. <ul style="list-style-type: none"> + Khay đỡ phim X-Quang + Có van điều chỉnh nước và hơi. + Có đồng hồ đo áp lực hơi. - Khay trợ thủ. <ul style="list-style-type: none"> Công cụ cho khay trợ thủ bao gồm: + Hút nước bọt; + Tay xịt 3 chức năng; + Bàn phím điều khiển chức năng ghế. - Đèn nha khoa. <ul style="list-style-type: none"> + Đèn: Công nghệ LED hoặc tương đương; + Loại: cảm biến điều khiển không chạm; - Bồn nhỏ. <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu gốm sứ hoặc tương đương + Có bộ làm ấm cho cốc súc miệng.

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn đạp điều khiển chân. <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh ghế. - Ghế bác sỹ. <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh: lên - xuống; + Có bánh xe di chuyển. + Có đệm ghế và đệm tựa lưng. + Chất liệu da hoặc tương đương - Bộ tay khoan. <ul style="list-style-type: none"> Tay khoan nhanh: <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương; + Loại ≥ 4 lỗ; + Tốc độ tối đa: ≥ 400.000 vòng/ phút; Tay khoan chậm: <ul style="list-style-type: none"> + Tốc độ tối đa: ≥ 20.000 vòng/ phút; - Máy nén khí. <ul style="list-style-type: none"> + Công suất: ≥ 0.75 HP; + Lưu lượng khí: ≥ 110 Lit/ phút; + Áp lực: ≥ 8kg/cm; + Dung tích bình chứa: ≥ 40 Lit; + Loại không dầu, sơn tĩnh điện; - Thông số kỹ thuật ghế chính. <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống điện + Khoảng nâng hạ ghế tính từ mặt sàn: $\leq 400 - \geq 800$mm; + Áp suất cung cấp không khí: $\geq 0,80$Mpa; + Áp lực cấp nước: $\geq 0,4$Mpa;
4	<p>HỆ THỐNG X - QUANG DI ĐỘNG</p> <p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ năm 2025 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: Điện áp 100~240 V, tần số 50/60 Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^{\circ}\text{C}$, + Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$, không ngưng tụ <p>II.YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính di động: 01 Bộ - Nguồn điều khiển phát tia cao tần: 01 Bộ

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng X-quang: 01 Cái - Bộ chuẩn trực chùm tia: 01 Bộ - Tấm cảm biến phẳng nhận ảnh không dây: 01 Tấm - Máy tính xách tay điều khiển và xử lý ảnh kỹ thuật số (Mua tại Việt Nam): 01 Bộ - Phụ kiện kết nối theo hệ thống: 01 Bộ - Modul chẩn đoán xquang trí tuệ nhân tạo: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh/Việt): 01 Bộ <p>III. TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <p>1. Máy Xquang Di động</p> <p>1.1. Nguồn điều khiển phát tia cao tần: 01 Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất máy phát tia: $\geq 5\text{kW}$ - Tần số: $\geq 60\text{kHz}$ - Kiểu máy phát: Biến tần - Dải điện áp: $\leq 40 - \geq 120\text{kV}$ - Dải mAs: Từ $\leq 0.5\text{mAs}$ đến $\geq 100\text{mAs}$, 35 bước chỉnh - Có công tắc điều khiển chụp bằng tay và điều khiển từ xa Wireless <p>1.2. Bộ chuẩn trực chùm tia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ lọc $\geq 0.5 \text{ mm Al}$ - Kích thước trường tia X tối đa: tại khoảng cách SID 100cm: $\geq 47 \times 47\text{cm}$ - Thời gian chiếu sáng: Tự động ngắt sau 30 giây - Nguồn sáng: LED <p>1.3. Bóng X - Quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng trữ nhiệt của Anode: 33kJ - Góc tới: $\leq 15^\circ$ - Kích thước tiêu điểm: Tiêu điểm $\leq 1.5 \times 1.5\text{mm}$ - Bộ lọc: $\geq 0.5 \text{ mm Al}$ - Bộ lọc tổng: $\geq 3.0 \text{ mm Al}$ <p>1.4. Thân máy chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách từ mặt sàn tới trường chiếu: $\leq 410 - \geq 2100\text{mm}$ - Chiều dài máy khi mở cánh tay: $\geq 1100\text{mm}$ - Chiều cao hệ thống tối thiểu: $\geq 1400\text{mm}$ khi gấp gọn - Chiều cao tối đa hệ thống: $\geq 2300\text{mm}$ khi không gấp gọn - Góc quay bóng: $\geq 270^\circ\text{C}$ - Góc quay: $\geq 200^\circ\text{C}$ - Độ dày thân máy: $\leq 60\text{mm}$ - Trọng lượng: 98kg <p>1.5. Bảng điều khiển và hiển thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng điều khiển kép ở đầu bóng và thân máy - Màn hình hiển thị: LED và 7 thanh

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng điều khiển: kV, mAs, đèn Collimator - Chức năng hiển thị: Hiển thị lỗi, trạng thái hoạt động (Ready, Exposure), dung lượng Pin 2. Tấm nhận ảnh: 2.1 Tấm nhận ảnh: - Ứng dụng: Chụp X-quang tổng quát Loại TFT:a-Si Vật liệu phát quang:CsI Kích thước (WxDxH, mm):$\geq 460 \times 460 \times 15.6$ mm Số lượng điểm ảnh:$\geq 3072 \times 3072$ Độ phân giải:≥ 3.6lp/mm Kích thước điểm ảnh:$\leq 140$$\mu$m Vùng hoạt động TFT (mm):$\geq 430.08 \times 430.08$ mm MTF @ 0.5lp/mm:$\leq 84\%$ Chuyển đổi A / D:16 bit Đầu ra dữ liệu:16 bit Loại giao tiếp:Không dây Tự động phát hiện tia:Có WLAN:IEEE802.11a/b/g/n/ac2.4GHz/5GHz Trọng lượng tải tối đa:Đầy đủ (Tải toàn bộ) : ≥ 400kg Cục bộ (Tải 1 điểm) : ≥ 200kg Tiêu chuẩn chống nước, bụi:$\geq IP68$ Tấm bảo vệ cảm biến:Tấm sợi Carbon Trọng lượng (kg):≤ 3.8 kg bao gồm cả pin Thời gian chu kỳ:≤ 4.5 giây (Có dây) và 5 giây (Không dây) Thời gian chuyển ảnh (Hình ảnh gốc):≤ 1.5 giây (Có dây) và 2.5 giây (Không dây) Thời gian pin hoạt động:≥ 300 lần chụp trong 7.5 giờ (Chu kỳ chụp 90 giây) Công suất tiêu thụ:≤ 38W 2.2. Hộp điều khiển: Kích thước (mm): $\leq 125.0 \times 110 \times 255.0$ Trọng lượng:≤ 1.5 kg 2.3. Pin: Số lượng pin:≥ 2 pack Kích thước (mm):$\leq 112.2 \times 158 \times 8.4$ Trọng lượng (kg):≤ 0.2 Nhiệt độ hoạt động:10 °C - 35 °C Thời gian sạc:≤ 4 tiếng khi sử dụng tấm nhận và 3 tiếng cho 2 pin khi sử dụng bộ sạc 2.4. Đế sạc Pin: Kích thước (mm):$\leq 268.4 \times 54.9 \times 186.9$

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>Trọng lượng (kg):≤0.6 (Không bao gồm pin) Đầu vào:19V ~ 3.42 A Đầu ra điện áp định danh:8.7 V Nguồn cho bộ sạc Pin: Kích thước (mm):≤134.0 x 59.8 x 31 Trọng lượng (kg):≤0.34 Đầu vào:AC 100-240 V~ 50-60 Hz, 1.5 A-0.7 A Đầu ra:19V ~ 3.42 A Phân loại chống điện giật:Class I equipment</p> <p>2.5. Phụ kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cáp:Dây nguồn, Cáp chính 7m (Tùy chọn Cáp LAN, Cáp đồng bộ) <p>3. Máy tính trạm làm việc</p> <p>CPU:≥ Intel core i5 RAM:≥ 8GB Dung lượng lưu trữ:≥ 500GB Card mạng:Dual Ethernet 100/1000 Mbps OS:Windows 7/8.1/10 (64 bit) Màn hình:≥ Độ phân giải tối thiểu 1920 x 1080</p> <p>4. Tính năng phần mềm xử lý máy trạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách công việc:Tìm kiếm và xem thông tin khám bệnh cho bệnh nhân - Đăng ký / Chỉnh sửa / Xóa thông tin khám bệnh cho bệnh nhân - Chế độ đăng ký khẩn cấp - Hỗ trợ tích hợp với DB và [MWL] - Danh sách từ chối nhận ảnh - Hàng đợi - Ca chụp:Kiểm tra thông tin bằng cách kiểm tra bộ phận cơ thể từ chỉ định (Exam order) <ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt [Body map], [Exam] và [Tình trạng phát tia] - Hình ảnh thu được thông qua tích hợp tấm nhận và máy phát - Xem trước ảnh - Kích thước ROI tự động - SW Grid - Xem và xử lý ảnh:Xem ảnh - Xử lý ảnh sau khi chụp xong - Cung cấp thông tin về ca chụp - Phóng to / thu nhỏ - Phóng toàn màn hình, phóng vừa với màn hình - Xoay, Lật, đảo - Window/Level - Gán chú thích chữ

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Shutter - Đánh dấu - Âm bản - Biểu đồ - Mũi tên, Đường thẳng, hình vuông, hình elip, Thước kẻ, Góc - Xử lý hình ảnh - Chọn Tất cả, Xóa - Xuất ảnh (In, CD, USB) - Auto ROI - Cấu hình tích hợp PACS, MWL - Tiêu chuẩn ảnh DICOM <p>5. Modul trí tuệ nhân tạo AI Box chẩn đoán tự động X-quang Tim phổi: Phần cứng (thiết bị điện tử) là hộp giải mã tín hiệu Phần mềm (trí thông minh nhân tạo AI) được cài đặt sẵn, có thể kết nối với các hệ thống chụp Xquang kỹ thuật số hoặc các thiết bị lưu giữ hình ảnh số. Phần mềm có thể nhận ảnh tự động tiếp nhận, phân tích và trả kết quả, đồng thời hiển thị tỷ lệ phần trăm vùng nghi ngờ lao trên phim X-quang ngực kỹ thuật số.</p> <p>Tính năng: Trí tuệ nhân tạo nhận biết bất thường trên X-quang ngực thẳng bao gồm bất thường nghi lao phổi Tự động hiển thị vùng tổn thương bất thường nghi lao trên phim. Có thể sử dụng ảnh X quang ngực liech chụp bình thường hoặc thấp. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ Độ nhạy và độ đặc hiệu đảm bảo phát hiện tốt bất thường nghi lao phổi phù hợp với các tiêu chuẩn tối thiểu của phần mềm AI đọc Xquang của Tổ chức y tế thế giới Thời gian đọc 01 ảnh: $\leq 10s$ Hệ thống có tính bảo mật cao: cho phép lựa chọn không định danh ca bệnh, không chia sẻ dữ liệu với nhà cung cấp. Kết nối DICOM 3.0</p> <p>5.1. Hộp giải mã tín hiệu: Bộ xử lý: Intel core i5 7500 Bộ nhớ trong: $\geq 8GB$ Ổ cứng: $\geq 128GB$ loại SSD Kết nối mạng: Gigabit Ethernet, Wifi 802.11ac (Giga wifi) Kết nối khác: USB, kết nối nguồn. Màn hình: ≥ 27 inch, độ phân giải 1920x1080 Chuột, bàn phím: đồng bộ</p> <p>5.2. Phần mềm AI: Tính năng phân tích:</p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>Hiện thị tính điểm xác suất mắc bệnh lý hoặc chưa rõ ràng triệu chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu vực có bất thường nghi lao và các bệnh phổi: được khoanh vùng bằng hộp giới hạn (B-Box) hoặc điểm có tông màu nóng (đỏ, cam) trên bản đồ nhiệt. + Hiện thị % bất thường nghi lao và các bệnh phổi (phân tích đưa ra kết luận % nghi lao và các bệnh phổi khác): trên hình ảnh thương tổn thương trên B-Box và headmap có hiện thị tỉ lệ % + Hiện thị % bất thường khác: Thâm nhiễm phổi (Infiltration), Viêm phổi (Pneumonia), đông đặc (Consolidation), xẹp phổi (Atelectasis), tràn khí màng phổi (Pneumothorax), phù nề (Edema), khí thũng (Emphysema)... <p>Khoanh vùng phát hiện bất thường trong hộp giới hạn (B-Box) được hiện thị màu đỏ trong khu vực nghi ngờ hoặc sơ đồ nhiệt (Heat-map).</p> <p>Nhận biết vị trí vùng bất thường nghi lao và mức độ thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hộp giới hạn màu khoanh vùng vị trí có bất thường như: (các bệnh lao phổi, các bệnh phổi khác):lao phổi, nốt phổi,viêm phổi, xẹp phổi, đông đặc, tràn khí màng phổi, xơ hóa, vôi hóa, mờ phổi, dày màng phổi + Thang điểm: hiện thị khả năng bị bệnh, càng gần điểm 1 xác suất bất thường càng cao. <p>Hiện thị riêng kết quả cho chẩn đoán Lao phổi. : Hình ảnh TB only Điểm bất thường cao nhất được hiện thị chính giữa trên màn hình. Cho phép người dùng cài đặt điều chỉnh ngưỡng điểm bất thường. Có thể chỉnh sửa khuôn hình, lưu trữ hình ảnh từ SCU, gửi lưu trữ lên PACS. Cơ sở dữ liệu: Có tối thiểu các công cụ sau Công cụ kiểm tra dữ liệu: tìm kiếm, quản lý, nghiên cứu, kiểm tra kết quả dựa trên công cụ tìm kiếm từ cơ sở dữ liệu đã có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công cụ quản lý nghiên cứu: bao gồm các chức năng mở tệp, gửi dữ liệu, mở tệp nghiên cứu, xóa dữ liệu thông qua giao diện kết nối DICOM. <p>Cấu trúc trường thông tin cơ bản có: Có ít nhất 4 trường cấu trúc cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công cụ tìm kiếm: Tìm kiếm danh sách nghiên cứu bằng cách sử dụng các công cụ tìm kiếm. - Công cụ quản lý: Quản lý nghiên cứu và thông tin hình ảnh bằng cách sử dụng các nút khác nhau trong khu vực công cụ quản lý. - Danh sách ca chụp :Kiểm tra tìm kiếm trong khu vực danh sách nghiên cứu Thumbnail Are – Vùng thu nhỏ , Chế độ “Thumbnail” – chế độ thu nhỏ cho phép người dung kiểm tra hình ảnh thu nhỏ đã được lựa chọn mà không cần mở các nghiên cứu liên quan và ảnh gốc.
5	<p>NỘI HẤP TIỆT TRÙNG 18 LÍT</p> <p>1. Yêu cầu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị phải được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Xuất xứ: Thuộc các nước G20;

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc CE hoặc tương đương; <p>2. Tính năng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo bằng thép không gỉ SUS304. - Điều khiển microcomputer, màn hình kỹ thuật số. - Nhiệt độ và thời gian tiệt trùng có thể điều chỉnh. - Hoạt động đơn giản, an toàn và đáng tin cậy. - Tự động xả khí quá áp, bảo vệ khi thiếu nước, chống cháy khô. - Đồng hồ đo áp suất hiển thị thang đo kép. <p>➤ Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích: 18 lít; + Công suất: 2.0 kW; + Nguồn điện: 110/220V, 60/50Hz; + Áp suất làm việc: 0.142Mpa; + Nhiệt độ làm việc: 126°C; + Thể tích buồng: Ø 280 x 295 mm; <p>➤ Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính; + Phụ kiện tiêu chuẩn; + Tài liệu Hướng dẫn sử dụng;
6	<p>MÁY TẠO OXY</p> <p>1. Yêu cầu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Thuộc các nước G20; - Thiết bị phải được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Nhà sản xuất phải có chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương. - Có ủy quyền của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối của nhà sản xuất - Thiết kế gọn nhẹ dễ di chuyển, không chiếm nhiều diện tích. - Màn hình LCD: hiển thị các thông tin dữ liệu rõ nét, giúp người dùng dễ nhìn thấy và sử dụng. - Khung máy chắc chắn, làm bằng chất liệu cao cấp. - Thiết kế tinh tế, nhiều tính năng thông minh, tiện lợi cho việc sử dụng. - Bảng điều khiển dễ nhìn, rõ nét thân thiện với người sử dụng. <p>2. Thông số kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Oxy hóa: $\geq 93\%$ (+/- 3%); - Trọng lượng: 29.5 kg; - Độ ồn: ≤ 60 dB(A); - Điện năng tiêu thụ: 750W; - Thông số kỹ thuật dòng chảy: Tổng 10 LPM (mỗi bên 5LPM);

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện hoạt động: 3°C đến 40°C; - Lưu trữ: -10°C đến 40°C; - Kích thước: 390x350x720 (mm); <p>3. Phụ kiện máy tạo oxy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 máy tạo oxy. - 1 Sách Hướng dẫn sử dụng. - 2 Bình tạo ẩm. - 2 Dây thở (dây oxy). - 2 Bộ lọc. - 1 Bộ bầu xông.
7	<p>MÁY ĐIỀU TRỊ KẾT HỢP (MÁY ĐIỆN TRỊ LIỆU ĐA NĂNG KẾT HỢP LASER, SIÊU ÂM VÀ TỪ TRƯỜNG TRỊ LIỆU)</p> <p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi - Thiết bị đạt chứng chỉ ISO ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện hoạt động: ~230V ± 10% / 50 Hz / 50 VA - Môi trường hoạt động: <p>+ Nhiệt độ tối đa: ≥32°C + Độ ẩm tối đa: ≥75%</p> <p>II. YÊU CẦU CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01x Máy chính kèm màn hình cảm ứng và có thể nâng cấp phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt - 01x Dây nguồn - 01x Dây cáp kích thích điện màu đen - 04x Dây cáp kích thích điện màu trắng - 04x Điện cực cao su chì ≥60x60mm - 04x Miếng làm ẩm điện cực ≥60x60mm - 04x Điện cực thép ≥70x90mm - 04x Miếng làm ẩm điện cực thép ≥90x120mm - 04x Dây buộc co dẫn - 01x Bộ hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt - 01x Đầu phát siêu âm đa tần - 01x Giá đỡ đầu phát - 01x Lọ gel điều trị siêu âm - 01x Đầu phát laser - 01x Kính bảo vệ mắt - 01x Cặp cuộn phát từ trường - 01x Nam châm thử từ - 01x Bộ hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>III. YÊU CẦU ĐẶC TÍNH VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT</p> <p>1. Tính năng sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • ≥ 2 kênh điều trị đồng thời cùng lúc và hoàn toàn độc lập. • Màn hình cảm ứng ≥ 4 inch và ≤ 9 nút bấm dễ dàng cho người sử dụng • Có sẵn các chương trình điều trị cho các bệnh lý phổ biến: ≥ 100 chương trình điện xung, ≥ 90 chương trình siêu âm, ≥ 150 chương trình Laser, ≥ 50 chương trình từ trường <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Laser:</p> <p>Tia laser: Loại 3B</p> <p>Thời gian điều trị: ≤ 1 giây - ≥ 99 phút</p> <p>Siêu âm:</p> <p>Tần số siêu âm: 1MHz và $\geq 3,3$MHz</p> <p>Cường độ siêu âm: ≥ 3W/ cm²</p> <p>Tần số xung: 10- ≥ 150 Hz</p> <p>Chế độ làm việc: Liên tục và xung</p> <p>Chu kỳ : 5-100 %</p> <p>Thời gian điều trị ≤ 30 giây - ≥ 30 phút</p> <p>Từ trường:</p> <p>Dải tần số từ trường: ≤ 1 ÷ ≥ 150 Hz</p> <p>Cường độ từ trường: ≥ 8mT</p> <p>Chế độ làm việc: Liên tục và ngắt quãng</p> <p>Thông số kỹ thuật dòng điện</p> <p>Dòng Interferential (giao thoa)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cường độ hiệu dụng: 0 ÷ ≥ 60 mA • Tần số giao thoa: ≤ 1 ÷ ≥ 200 Hz • f_N [tần số sóng mang] ≥ 4000Hz <p>Dòng xung kích thích / xung tần số trung bình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cường độ xung: 0 ÷ ≥ 100 mA • Thời lượng xung: ≤ 5 ÷ ≥ 990 ms • Thời lượng nghỉ: ≤ 100 ÷ ≥ 4000 ms • Thời gian trễ: ≤ 5 ÷ ≥ 150 ms <p>Dòng kích thích sóng / cơ điện</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời lượng xung lực: $\leq 0,5$ ÷ ≥ 60 s • Thời lượng nghỉ: $\leq 1,0$ ÷ ≥ 60 s • Tăng giảm thời gian: 0 ÷ 100% <p>Dòng TENS, HV</p> <p>TENS, HV</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cường độ: 0 ÷ ≥ 100 mA

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> • Tần số: $\leq 1 \div \geq 200$ Hz • Thời lượng xung: $\leq 50 \div \geq 300$ μs <p>TENS Burst</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xung : $\leq 50 - \geq 300$ us - Tần số : $\leq 0,5 - \geq 2$ Hz - Cườngng độ : 0-100 mA <p>Dòng Kotz / Kích thích kiểu Nga Classic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xung: ≥ 10ms - Thời gian nghỉ: ≥ 10ms - Tần số: ≥ 50Hz - Phân cực: Lưỡng cực - Cường độ: $0 \div \geq 100$ mA <p>Điều chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xung: $\leq 2 - \geq 100$ms - Thời gian nghỉ: $\leq 2 - \geq 200$ms - Phân cực: Lưỡng cực - Cường độ: 0-100mA <p>Dòng Faradic, Neofaradic</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thời gian xung: ≥ 2ms -Thời gian nghỉ: ≥ 20ms -Phân cực : Đơn cực -Cường độ : 0-100 mA <p>Dòng Galvanic (Điện phân)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cường độ: $0 \div \geq 50$ mA <p>Dòng Microcurrents</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cường độ: $0 \div \geq 1000$ μA
8	<p>TỦ SẤY PARAFIN(Tủ sấy nén paraffin, Tủ sấy tuần hoàn khí nóng)</p> <p>I. Yêu cầu chung</p> <p>Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi Thiết bị đạt chứng chỉ ISO9001 hoặc tương đương. Nguồn điện hoạt động: : 220V- 50Hz</p> <p>II. Cấu hình cung cấp</p> <p>01 Máy chính kèm màn hình LCD 20 Khay nén 23x32x4 01 Bộ giá chứa khay nén bên trong tủ 05 M dây tiếp địa 20 Kg nén paraffin: (Loại sáp trong không mùi) 03 Lit Dầu Paraffin (loại dầu thơm) 01 Atomat trống giặt</p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>III. Yêu cầu Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ: Toàn bộ được làm từ inox 304 ≥ 2 lớp. - Cánh: Có kính dễ dàng nhìn vào bên trong - Số lượng khay nén: ≥ 20 khay - Nhiệt độ điều khiển sấy: Từ 40°C đến $\geq 150^\circ\text{C} \pm 3^\circ\text{C}$ - Thời gian điều khiển duy trì sấy: Từ 0- ≥ 24h - Chế độ sấy: Thông gió tuần hoàn cưỡng bức bằng quạt (quạt đối lưu) - Tự động cắt nguồn khi bị dò điện ra vỏ (Chống giật). - Điện áp sử dụng: 220V- 50Hz hoặc 380V / 4kW - Có ≥ 4 bánh xe giúp di chuyển dễ dàng và chốt cố định tủ - Tự động cấp nguồn điện và ngắt nguồn theo hẹn giờ cài đặt sẵn 24h. - Màn hình: LCD màu ≥ 3inch tự động tắt màn hình khi không sử dụng. - Chế độ hoạt động: Thủ công và tự động - Chức năng: Làm nguội nhanh bằng gió đối lưu. - Hiển thị: Nhiệt độ sấy tối thiểu và nhiệt độ sấy tối đa, nhiệt độ thực trong tủ, thời gian sấy, thời gian đếm ngược, mã lỗi, biểu đồ sấy, ngày giờ... - Ghi nhớ các thông số cài đặt. - Điều khiển: Bằng vi xử lý, có cảm biến đo nhiệt độ trong buồng.
9	<p>THIẾT BỊ TRỊ LIỆU GIẢM ĐAU BẰNG TIA HỒNG NGOẠI</p> <p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi - Thiết bị đạt chứng chỉ ISO9001 hoặc tương đương. - Nguồn điện hoạt động: $\sim 220\text{V} / 60\text{Hz}$ <p>II. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân đèn: 01 chiếc - Bóng đèn hồng ngoại: 01 chiếc - Bộ điều khiển gắn trên đèn: 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuận tiện điều trị với tay cầm. - Kết hợp điều khiển cài đặt thời gian và cường độ - Có thể điều chỉnh chiều cao của đèn - Chân đèn có bánh xe để di chuyển <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: $\geq 250\text{W}$ - Thời gian điều trị: ≤ 1 giây - ≥ 60 phút
10	<p>MÁY XOA BÓP BẰNG ÁP LỰC HƠI</p> <p>I. Thông tin chung</p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>- Hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485</p> <p>- Nguồn điện: AC 110~240V/50~60Hz</p> <p>- Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa đến: $\geq 35^{\circ}\text{C}$ Độ ẩm tối đa đến: $\geq 80\%$</p> <p>II. Cấu hình thiết bị</p> <p>Máy xoa bóp toàn thân kèm phụ kiện và cấu hình cung cấp:</p> <p>Máy chính: 01 cái Bao cuốn ≥ 6 khoang chi dưới: 02 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p> <p>III. Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>Trị liệu chuyên nghiệp trong phòng trị liệu Dải áp suất: Từ ≤ 10 đến $\geq 200\text{mg}$ Phạm vi thời gian: Từ ≤ 5 đến ≥ 90 phút Tự động phát hiện áp suất Công tắc an toàn khi khẩn cấp Hiển thị bằng màn cảm ứng Cài đặt xoa bóp đảo chiều ≥ 3 Chế độ xoa bóp chính. Điều khiển tốc độ xoa bóp: $\leq 1 \sim \geq 6$ cấp độ Có ≥ 6 chế độ trị liệu (Có chế độ đảo chiều)</p>
11	<p>MÁY SIÊU ÂM ĐIỀU TRỊ ĐA TẦN SỐ</p> <p>I. Thông tin chung</p> <p>- Hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485</p> <p>- Nguồn điện: AC 110~240V/50~60Hz</p> <p>- Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa đến: $\geq 35^{\circ}\text{C}$ Độ ẩm tối đa đến: $\geq 80\%$</p> <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <p>01 Máy chính 01 Đầu phát siêu âm 5cm^2 01 Đầu phát siêu âm $0,8\text{cm}^2$ 02 Giá đỡ đầu phát 01 Chai gel tiếp xúc 01 Dây cáp nguồn 01 Hướng dẫn sử dụng</p> <p>III. Yêu cầu thông số kỹ thuật</p> <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<p>Tần số sóng siêu âm: 1Mhz và ≥ 3 MHz Sóng siêu âm: liên tục và xung Chu kì hiệu suất: Từ 5 đến 80% Tần số xung: Có tối thiểu các dải tần số 16 Hz, 48 Hz và 100 Hz Số kênh đầu ra: ≥ 2 Cường độ: 0-≥ 2 W/cm² đối với chế độ liên tục, 0-≥ 3 W/cm² đối với chế độ xung Phác đồ điều trị sẵn có ≥ 25 - được xác định thực tế và ≥ 20 vị trí có thể lập trình tùy ý có hỗ trợ đồ hoạ Màn hình cảm ứng tinh thể lỏng TFT : $\geq 480 \times 272$ pixels Dòng điện AC : 100-240 V \pm 10% (50/60Hz)</p>
12	<p>TỦ ĐẦU GIƯỜNG I. Yêu cầu chung -Phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485. -Hàng sản xuất năm 2025 trở lại đây, mới 100% II. Yêu cầu cấu hình: -Tủ chính đồng bộ: 01 cái -Bánh xe: 04 cái III. Yêu cầu thông số kỹ thuật: -Kích thước tổng thể (DxRxC): $\geq 480 \times 480 \times 780$mm \pm 10mm -Toàn bộ tủ được làm bằng nhựa ABS nguyên chất 100%, không độc hại, bền, chống gỉ và chống ăn mòn, dễ vệ sinh, tuổi thọ sử dụng lâu dài. -Sản phẩm có kết cấu vững chắc, dễ sử dụng, dễ vệ sinh và di chuyển. -Tủ gồm các phần: ngăn kéo, hộc tủ. -Hai bên thành tủ có hai móc treo khăn, có thể mở ra hoặc gấp gọn vào thành tủ khi không sử dụng. -Chân tủ được lắp 04 bánh xe, 2 bánh có khóa.</p>
13	<p>BỘ KHÁM NGŨ QUAN I. Yêu cầu chung -Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 13485. -Hàng sản xuất năm 2025 trở lại đây, mới 100% II. Yêu cầu cấu hình cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> • 1. Hộp • 2. Khám mắt • 3. Đầu đèn soi tai • 4. Bánh tai các cỡ • 5. Đầu đèn soi họng </p>

STT	TÊN HÀNG HÓA VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> • 6. Bánh mở rộng mũi • 7. Gương soi thanh quản • 8. Đè lưỡi • 9. Đèn soi chạy pin <p>III. Yêu cầu kỹ thuật Chất liệu thép không gỉ</p>

C) Các yêu cầu khác:

1. Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSDT đăng tải trên Hệ thống:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder như sau:

1.1 (Folder 1) Tính hợp lệ:

- ĐKKD; Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký thư bảo lãnh (nếu có)

1.2. (Folder 2) Năng lực kinh nghiệm:

- (File 1) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2022)

- (File 2) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2023)

- (File 3) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2024)

- (File 4) Xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế

- (File 5) Hợp đồng tương tự 1 (bao gồm hợp đồng, biên bản nghiệm thu/ thanh lý/ hóa đơn GTGT..., tài liệu chứng minh mã HS của hàng hoá tương tự)

- (File 6) Hợp đồng tương tự 2...

... và các tài liệu liên quan khác (nếu có)

1.3. (Folder 3) Kỹ thuật: Ngoài Bảng danh mục hàng hóa dự thầu, nhà thầu lập các folder riêng cho từng mặt hàng hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu **tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự mặt hàng theo E-HSMT, ví dụ:**

1. (Folder 3.1) Phần 1 (lô 1):

- (File 1) Giấy ủy quyền (bao gồm: ủy quyền từ hãng chủ sở hữu, ủy quyền từ nhà phân phối...)

- (File 2) Bản kết quả phân loại TTBYT

- (File 3) Sổ lưu hành (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu v.v...)

- (File 4) Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA...)

- (File 5) tài liệu kỹ thuật kèm theo như Catalogue; Datasheet; Instruction for Use

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)....

- **Lưu ý: đề nghị nhà thầu tách riêng từng file tài liệu kỹ thuật (catalogue, datasheet...), không gộp chung tất cả tài liệu kỹ thuật vào**

1 file. Yêu cầu đặt tên file đúng theo tên tài liệu dùng để tham chiếu trong Bảng chào đáp ứng kỹ thuật và **dùng công cụ đánh dấu (highlight)** lên các nội dung kỹ thuật cụ thể chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu..

2. Folder 3.2 Phần 2 (Lô 2): Trình bày tương tự như trên

2. Bảng kê hợp đồng tương tự và mã HS của hàng hóa

- Tính chất tương tự quy định tại bảng X là hợp đồng cung cấp thiết bị tương tự như phân/lô tham dự, hoặc trong trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của mặt hàng theo hướng dẫn tại ghi chú số (10) và số (11) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm tại Chương III, nhà thầu phải kê khai bảng tính giá trị hợp đồng tương tự theo mẫu dưới đây.

- Trong trường hợp nhà thầu tự xác định mã HS của hàng hóa, nhà thầu phải kê khai và đính kèm file excel và một bản scan có ký, đóng dấu của nhà thầu theo mẫu sau. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của thông tin được cung cấp. Bên mời thầu sẽ đánh giá tính chất và quy mô tương tự của hợp đồng nhà thầu kê khai theo mã HS trên cơ sở các thông tin tại bảng kê khai này và các tài liệu đính kèm. Ngoài hợp đồng tương tự, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh mã HS của mặt hàng tương tự bằng các tài liệu hợp lệ liên quan (tờ khai hải quan).

STT	Yêu cầu của E-HSMT				Đáp ứng của E-HSDT						Năng lực sản xuất trong trường hợp là nhà sản xuất
	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS (VND)	Hợp đồng tương tự	Nhà thầu liên danh trong hợp đồng tương tự (nếu có) ⁽²⁾	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự ⁽³⁾	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự	Tài liệu chứng minh hợp đồng hoàn thành	
		(Ghi theo danh mục hàng hóa dưới đây)	(Nhà thầu xác định mã HS)	(Nhà thầu trích xuất theo yêu cầu tại Bảng X)	(Hợp đồng số: ... Ngày ký: ... Chủ đầu tư: ... Ngày hoàn thành: ...)	(Ghi: Nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh)	(Ghi STT, tên thiết bị trong hợp đồng tương tự)	(Nhà thầu xác định mã HS)	(Ghi theo giá trị thực hiện thực tế)	(Ghi: - Biên bản nghiệm thu ngày ... - Biên bản thanh lý ngày ... - Hóa đơn GTGT ngày ... liệt kê các tài liệu liên quan khác (nếu có)...	Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải cung

STT	Yêu cầu của E-HSMT				Đáp ứng của E-HSDT						Năng lực sản xuất trong trường hợp là nhà sản xuất
	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS (VND)	Hợp đồng tương tự	Nhà thầu liên danh trong hợp đồng tương tự (nếu có) ⁽²⁾	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự ⁽³⁾	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự	Tài liệu chứng minh hợp đồng hoàn thành	
											cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu. k x (Số lượng yêu cầu của gói thầu x 30/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)) với k = 1,5

Ghi chú:

- Việc đánh giá quy mô, tính chất hợp đồng tương tự thực hiện theo Ghi chú số (10) và số (11) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm tại Chương III E-HSMT.

- Đối với nhà thầu là liên danh: từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu tương đương với phần công việc đảm nhận (hợp đồng tương tự của từng thành viên xét theo giá trị tương ứng của các mặt hàng thành viên đó cung cấp).

3. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu và Bảng chào đáp ứng kỹ thuật:**(i) Bảng danh mục hàng hóa dự thầu:**

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Tên nhà thầu: Email:

Thông tin hàng hóa dự thầu			Tài liệu chứng minh tính hợp lệ hàng hóa theo yêu cầu tại Mục 1.3.2 Chương V						
STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Tài liệu chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng theo E-CDNT 16.2 Chương II	Kết quả phân loại TTBYT (áp dụng cho TTBYT)	Số lưu hành hoặc số GPNK (áp dụng cho TTBYT)	Tiêu chuẩn chất lượng (nếu có)	Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất TTBYT (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Nhà thầu nhập STT hàng hóa theo E-HSM T	Nhà thầu nhập mã phần (lô) hàng hóa theo E-HSM T	Nhà thầu nhập danh mục hàng hóa theo E-HSM)	Nhà thầu nhập thông tin liên quan	<p>Nhà thầu liệt kê các tài liệu liên quan: ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư ủy quyền hoặc giấy phép bán hàng ngày ... từ ... (tên hãng) ... cho ... (tên nhà thầu/nhà phân phối), có hiệu lực đến ... - Giấy phép bán hàng ngày ... của ... (tên nhà phân phối) cho ... (tên nhà thầu), có hiệu lực đến ... (hoặc có hiệu lực cho gói thầu này). 	Loại A/B/C/D	<ul style="list-style-type: none"> - Số công bố: .../PCBB-HCM ngày ... hoặc - Phiếu tiếp nhận số: .../.... ngày... hoặc - Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành TTBYT thuộc loại C, D số ...ĐKLH/BYT... ngày ... hoặc - Giấy phép nhập khẩu số: ...NK/BYT-TB-CT ngày ... - Nhà thầu ghi rõ đối với hàng hóa là TTBYT không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu. 	<p>ISO 13485:2016 cấp cho hãng ... có hiệu lực từ ngày ... đến ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất TTBYT số ... ngày ... - Nếu không phải là TTBYT sản xuất trong nước thì ghi: Không áp dụng). 	

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu dưới đây gồm file scan bản in và file định dạng Word kèm E-HSDT.

(ii) Bảng chào đáp ứng kỹ thuật:

BẢNG CHÀO ĐÁP ỨNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu
1	Máy Số lượng:	Máy Model: Hãng sản xuất: Xuất xứ: Hãng, nước chủ sở hữu: Số lượng:	Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin yêu cầu.
I	Yêu cầu chung	Yêu cầu chung	
	-	-	Nhà thầu cam kết và/hoặc cung cấp tài liệu theo yêu cầu. Ghi rõ tên tài liệu, số trang tham chiếu và trích dẫn nội dung cụ thể trong tài liệu tham chiếu thể hiện tính đáp ứng của hàng hóa của từng nội dung yêu cầu kỹ thuật.
II	Yêu cầu cấu hình	Yêu cầu cấu hình	
	-	-	Nhà thầu chào thầu đủ nội dung theo yêu cầu.
III	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật	
	-	-	Ghi rõ tên tài liệu, số trang tham chiếu và trích dẫn nội dung cụ thể trong tài liệu tham chiếu (bản gốc) thể hiện tính đáp ứng của hàng hóa của từng nội dung yêu cầu kỹ thuật. Xem các ví dụ dưới đây: <i>Specifications</i> trang 2.....
IV	Yêu cầu khác	Yêu cầu khác	
		-	Nhà thầu cam kết và/hoặc cung cấp tài liệu theo yêu cầu.

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu dưới đây và cung cấp file scan và file định dạng Word kèm E-HSDT. Nhà thầu phải đảm bảo và tự chịu trách nhiệm về những bất lợi trong trường hợp thống nhất giữa nội dung file Word/Excel và file scan

- Mẫu trên được dùng để phục vụ việc đánh giá về kỹ thuật hàng hóa dự thầu của

nhà thầu. Nhà thầu phải kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin theo mẫu này. Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Việc kiểm tra hàng hóa được thực hiện theo các quy định sau:

- Thời gian: Từ khi bàn giao hàng hóa tại chân công trình đến khi được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Địa điểm: Tại nơi hàng hóa được bàn giao.

- Nội dung và cách thức tiến hành:

1. Bàn giao hàng hóa tại đơn vị sử dụng: Khi hàng hóa được chuyển đến địa điểm giao hàng, Nhà thầu báo cho Chủ đầu tư biết để các bên cùng nhau tiến hành kiểm tra hàng hóa (danh mục, số lượng) và các hồ sơ, chứng từ liên quan đảm bảo đúng quy định của hợp đồng, làm cơ sở lập biên bản bàn giao.

2. Kiểm tra hàng hóa: Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, chạy thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của chủ đầu tư và đơn vị giám sát hoặc đơn vị kiểm định để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, cấu hình, thông số kỹ thuật ... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

- Đối với các hàng hóa phải kiểm định (nếu có): Hàng hóa được kiểm định bởi đơn vị có đủ chức năng thực hiện dịch vụ này đối với các thiết bị y tế trong danh mục phải được kiểm định về an toàn và tính năng kỹ thuật theo quy định tại điều 5, Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022. Hàng hóa chỉ được nghiệm thu khi nhà thầu cung cấp chứng thư hoặc giấy chứng nhận kiểm định của đơn vị có đủ chức năng.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

3. Giám định chất lượng, nghiệm thu hàng hóa (nếu có): Sau khi được kiểm tra thử nghiệm, hàng hóa được bên mua giám định chất lượng và nghiệm thu để đưa vào sử dụng, theo đúng quy định của Nhà nước. Hàng hóa được chuyển sang nghĩa vụ bảo hành ngay sau khi các bên thống nhất nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

4. Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra, thử nghiệm và giám định chất lượng mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối, mọi chi phí thay thế hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm, các hàng hóa thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.